

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14/8/2020

V/v: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị T Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Bà: Phan Thị Thu Thảo
  2. Bà: Phạm Thị Em
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Sương – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Phần – Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020, về việc: “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn: Anh **Lê Văn V**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị T có mặt, anh V vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:***

Chị và anh Lê Văn V tự nguyện sống chung vào năm 2000, đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do, anh V chỉ lo sống cho bản thân không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, anh thường xuyên uống rượu về chửi mắng, hành hung chị và đập phá đồ đạc trong nhà. Chị nhiều lần động viên khuyên giải để hòa hợp nhưng anh V vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên đã ly thân. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên xin ly hôn với anh V.

Trong thời gian chung sống, chị và anh V có 01 con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh ngày 07/11/2000 đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn là anh Lê Văn V: Vắng mặt.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm:***

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T đối với anh Lê Văn V.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết đối với bị đơn là anh Lê Văn V, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh V vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo luật định.

Tòa án đã tiến hành việc cấp tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai cho anh Lê Văn V để đưa vụ kiện ra xét xử nhưng anh V vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, chị Trần Thị T và anh Lê Văn V kết hôn vào năm 2001 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống, do vợ chồng không hòa hợp nên phát sinh mâu thuẫn. Chị T cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V thường dùng bạo lực để hành hung chị. Chị nhiều lần động viên khuyên giải tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả nên chị và anh V đã ly thân. Nay, chị khẳng định không thể sống chung với anh V được nữa nên xin ly hôn. Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên hòa giải và thông báo việc giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho anh chị đoàn tụ được mà lập biên bản hòa giải đoàn tụ không được và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Qua xác minh thu thập chứng cứ ở địa phương nơi anh chị sinh sống cho thấy, chị T và anh V đã xảy ra mâu thuẫn và có thời gian sống ly thân để tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Hiện, anh V cũng không đến Tòa coi như đã từ bỏ thiện chí xin đoàn tụ với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh V.

[3] Trong thời gian chung sống, chị T và anh V có 01 con chung Lê Thị Thùy D, sinh ngày 07/11/2000 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu là 300.000 đồng.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T đối với anh Lê Văn V.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T và anh Lê Văn V được ly hôn.
2. Về con chung: Chị T và anh V có 01 con chung Lê Thị Thùy D, sinh ngày 07/11/2000 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.
3. Về tài sản chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.
4. Về nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.
5. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010045 ngày 02/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi cư trú của bị đơn để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND T. Bến Tre;
- VKS H. Châu Thành;
- THADS H. Châu Thành;
- UBND (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Hằng**



